TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HM** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:
01/2022/KDTM-ST
Ngày: 17/01/2022
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị N** – Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. **Bà Trần Thị Kim D**

2. **Bà Tạ Thị T**

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Minh N** - Thư ký Tòa án nhân dân quận HM.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HM tham gia phiên tòa:Bà **Nguyễn Thị Hải Y**- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Quận HM, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2020/TLST-KDTM ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXX ngày 17 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2021/QĐST – KDTM ngày 29 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 114 ngày 20 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH POSCO VST

Địa chỉ: Đường 319B, Khu CN N 1, xã P, huyện N, tỉnh Đ

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Jong Y – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đức D và bà Đỗ Hồng N

Ông D có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: Công ty CP Đầu tư xuất nhập khẩu T

Địa chỉ: Tổ 7, phường H, quận HM, H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng G – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh T.

Ông T vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các lời khai tại Tòa án cùng các văn bản tố tụng khác, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn Công ty TNHH P VST trình bày:

Ngày 29/9/2011 và ngày 21/11/2011 , Công ty TNHH P VST và Công Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T đã ký kết lần lượt hai Hợp Đồng Mua Bán thép cuộn không gỉ số HbS0010951 và H680011125 với tổng giá trị là 721.780 USD, tương đương 14.912.817.086 đồng . Theo nội dung của các hợp đồng , Công ty TNHH P VST có nghĩa vụ giao hàng theo đúng quy cách , số lượng và thời gian được mô tả trong Hợp Đồng hàng được phép giao từng lần theo từng đơn hàng của Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T . Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ giá trị đơn hàng trong vòng 30 ngày sau khi nhận hàng . Trong quá trình thực hiện hợp đồng , Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T còn nợ Công ty TNHH P VST số tiền 5.701.292.533 đồng.

Ngày 01/11/2015 , Công ty TNHH P VST và Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T ký kết Thỏa thuận thanh toán công nợ mua hàng . Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T xác nhận còn nợ Công ty TNHH P VST số tiền 5.701.292.532 đồng và cam kết trả nợ theo từng tháng , đợt thanh toán cuối cùng là ngày 15/11/2017.

Tuy nhiên , sau khi thỏa thuận thanh toán được ký kết, Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T mới chỉ thanh toán cho P VST 620.000.000 đồng (sáu trăm hai mươi triệu đồng) và ngừng thanh toán từ tháng 10/2016 đến nay. Tổng số tiền Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T còn phải thanh toán là 5.081.292.532 đồng.

Công ty TNHH P VST đề nghị Toà án buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T phải thanh toán cho Công ty TNHH P VST với số tiền 7.424.147.029 đồng, trong đó :

Nợ gốc : 5.031.292.532 đồng.

Nợ lãi do chậm thanh toán với mức lãi suất 10 % / năm (tính đến ngày 17/01/2022) là: **2.395.854.497** đồng và tiền lãi đến khi Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T thanh toán xong khoản nợ.

Tại Bản tự khai, và các lời khai tại Tòa án Đại diện ủy quyền của Công ty CP Đầu tư xuất nhập khẩu T ông Trần Thanh T trình bày:

Công ty TNHH P VST và Công ty CP đầu tư Xuất nhập khẩu T hai bên là đối tác làm ăn và kí kết với nhau rất nhiều hợp đông mua bán hàng hóa với nhau . Trong quá trình giao dịch Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T luôn trả nợ đúng hạn , đúng cam kết . Tuy nhiên đến năm 2011 biết trước nguy cơ giá thép tại trị trường Thế giới sẽ giảm sâu do nhu cầu giảm trên quy mô toàn cầu thì ngày 29.9.2011 và ngày 21.11.2011 Công ty TNHH P VST đã bán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T hại hợp đồng mua bán thép cuộn không gi số HbS0010951 và H6S0011125 với tổng giá trị là 721.780 USD với tổng giá trị 14.912.817.086 đồng . Thực tế hai lô hàng này cao hơn giá thị trường khi hai bên mới chỉ giao dịch sơ bộ với nhau bằng cách xuất hóa đơn bán hàng trước , hàng hóa thực tế nhiều lô vẫn nằm trong kho của Công ty TNHH P VST . Các lô hàng sau khi nhận về sau đó thì giá giảm

sâu và cộng thêm khủng hoảng kinh tế thì Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T từ một doanh nghiệp làm ăn có lãi thành một Doanh nghiệp làm ăn thua lỗ nợ nhà cung cấp và các tổ chức tín dụng và chậm thanh toán tiền bảo hiểm của công nhân viên.

Do giá thép giảm sâu nên một số lô hàng và Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T chưa nhận từ Công ty TNHH P VST , Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T không lấy nữa và Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T xuất trả lại hóa đơn cho Công ty TNHH P VST.

Sau khi trả lại không lấy hàng và nhiều lần thanh toán thì đến ngày 05/11/2015 Công ty TNHH P VST kiện yêu cầu tuyên bố phá sản Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T tại Tòa án nhân dân thành phố H .

Tại thỏa thuận thanh toán công nợ mua hàng ngày 01.11.2015 Công ty phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T và Công ty TNHH P VST xác nhận công nợ là : 5.701.292,533 đồng (Năm tỷ bảy trăm linh một triệu hai trăm chín mươi hai nghìn năm trăm ba mươi ba đồng.

Tại biên bản làm việc tại Tòa án nhân nhân thành phố H ngày 05/11/2015 Công ty TNHH P VST và Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T cũng có xác nhận công nợ là : 5,701.292.533 (Năm tỷ bảy trăm linh một triệu hai trăm chín mươi hai nghìn năm trăm ba mươi ba đồng).

Ông Trần Thanh T đại diện ủy quyền của nguyên đơn xác nhận đến ngày 05/11/2015 Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T còn nợ Công ty TNHH P VST là : 5.701.292.533 (Năm tỷ bảy trăm linh một triệu hai trăm chín mươi hai nghìn năm trăm ba mươi ba đồng

Từ khi xác nhận Công nợ xong Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T đã thanh toán nhiều lần cho Công ty TNHH P VST. Theo số liệu Công ty TNHH P VST thì Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩn T đã thanh toán cho Công ty TNHH P VST 10 lần với tổng số tiền là 620.000.000 đồng;

Ngày 19/11/2019 Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T đã thanh toán cho Công ty TNHH P VST số tiền là 50.000.000 đồng

Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T xác nhận còn nợ Công ty TNHH P VST là 5.031.292.532 VNĐ

Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T yêu cầu không tính lãi. Còn đối với số tiền gốc 5.031.292.532 VNĐ Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T xin trả trong vòng 10 năm mỗi tháng tối thiểu 50.000.000 VNĐ / tháng cho đến khi hết.

Còn trường hợp thanh toán trong vòng 01 năm Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T xin trả cho Công ty TNHH P VST số tiền là 1.000.000.000 đồng . Số tiền 4.031.292.532 đồng Công ty Cổ phần Đầu tư xuất nhập khẩu T xin được miễn giảm.

Còn trường hợp thanh toán 01 lần Công ty Cổ phần Đầu tư xuất nhập khẩu T xin trả cho Công ty TNHH P VST số tiền là 600.000.000 đồng. Số tiền 4.431.292.532 đồng Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T xin được miễn giảm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH P VST vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T thanh toán số tiền gốc là: 5.031.292.532 (Năm tỷ không trăm ba mươi mốt triệu hai trăm chín mươi hai nghìn năm trăm ba mươi hai) đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ thời điểm vi phạm thỏa thuận thanh toán công nợ mua hàng ngày 17 tháng 01 năm 2016 đến ngày xét xử 17/01/2022 là:2.395.854.497 (Hai tỉ ba trăm chín mươi năm triệu tám trăm năm mươi tư nghìn bốn trăm chín mươi bảy) đồng, với công thức: Tiền lãi (đồng) = (công nợ x số ngày quá hạn x lãi suất)/365 ngày. Tổng số tiền cả gốc và lãi là: 7.424.147.029 (Bảy tỷ bốn trăm hai

mươi bốn triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm hai mươi chín) đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HM tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các thông báo và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Chương XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu công ty T thanh toán số nợ gốc là: 5.031.292.532 đồng.

Nhận thấy: Về tính hợp pháp của các hợp đồng mua bán hàng hóa đã được ký kết giữa Công ty TNHH P VST và Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T: có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 24 Luật thương mại năm 2005 và các văn bản hướng dẫn chi tiết.

Theo nội dung của Hợp đồng mua bán đơn đặt hàng số H6S0010951 ngày 29/9/2011 và số H6S0011126 ngày 21/11/2011 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T và Công ty TNHH P VST thì Công ty TNHH P VST là bên bán, loại hàng hoá Thép không gỉ dạng cuộn loại hai không yêu cầu bảo hiểm (số lượng 150MT – trị giá 450.000 USD, thời gian giao hàng 11/10/2011) và thép không gỉ dạng cuộn loại một (số lượng: 91MT, giá 271.780 USD, thời gian giao hàng từ tháng 12/2011 đến tháng 01/2012). Công ty TNHH P VST đã xuất các hoá đơn Giá trị gia tăng số

0001452, 0001479, 0001474, 0001480, 0001555, 0001609, 0001454 tổng giá trị là 14.912.817.086 đồng.

Ngày 01/11/2015 Công ty TNHH P VST và Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T đã lập biên bản thoả thuận thanh toán công nợ mua hàng. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T xác nhận ngày 29/9/2011 và ngày 21/11/2011 hai bên đã ký kết 02 hợp đồng mua bán thép cuộn không gỉ với tổng giá trị 721.780 USD tương đương 14.912.086 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T còn nợ Công ty TNHH P VST tổng số tiền là 5.701.292.533 đồng. Việc thoả thuận này được khẳng định bằng biên bản làm việc tại TAND thành phố H ngày 05/11/2015. Sau khi thoả thuận Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T đã thanh toán thêm cho công ty P thêm 620.000.000 đồng. Tại các biên bản hoà giải tại toà án, Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T xác nhận sau biên bản làm việc ngày 05/11/2015 Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T đã thanh toán được 10 lần cho Công ty TNHH P VST với tổng số tiền là 620 triệu đồng, ngày 19/11/2019 đã thanh toán thêm 50 triệu đồng, số tiền còn nợ là 5.031.292.532 đồng. Tại biên bản hoà giải ngày 12/11/2021, Công ty TNHH P VST xác nhận nợ gốc của Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T là 5.031.292.532 đồng. Do đó, có căn cứ xác định Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T còn nợ Công ty TNHH P VST số tiền nợ gốc là 5.031.292.532 đồng.

- Đối với yêu cầu trả lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi là 10%/năm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.395.854.497 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Theo nội dung hợp đồng mua bán giữa công ty T và Công ty TNHH P VST thì hai bên thoả thuận thanh toán tiền đặt cọc 10% phải được thanh toán trong vòng 3 ngày sau khi ký hợp đồng mua bán này. Các hoá đơn còn nợ phải được thanh toán bằng điện chuyển tiền – TTR trước khi giao hàng. Hai bên không có thoả thuận về lãi suất.

Vì vậy, phía Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005 *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp*

luật có quy định khác". Theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 012019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì *"Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, TA căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 ngân hàng thương mại (NH TMCP N VN, NH TMCP CT VN, NH NN và phát triển NT VN...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh thành phố trực thuộc trung ương nơi toà án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sở thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác"*. Qua xác minh của toà án thì mức lãi suất cho vay trung và dài hạn của 03 Ngân hàng thương mại là (9.5 + 10 + 9,0):3 = 9.5 %/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn là 14,2 %/năm. Công ty TNHH P VST yêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T thanh toán lãi suất 10%/năm là thấp hơn so với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Đề xuất đường lối giải quyết:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH P VST đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T về việc:

- Buộc công ty T phải thanh toán cho Công ty TNHH P VST theo hợp đồng và biên bản làm việc ngày 05/11/2015 với số tiền gốc là: 5.031.292.532 đồng, và tiền lãi suất 10%/năm đối với từng khoản trong thỏa thuận thanh toán công nợ mua hàng ngày 01/11/2015 kể từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định của pháp luật.

- Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T ông Trần Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự: Tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T .

Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ tranh chấp, yêu cầu khởi kiện và quy định của pháp luật để khẳng định loại quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng mua bán được xác lập giữa hai tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận.

Xét, bị đơn có trụ sở tại tổ 7 phường HL, quận HM, H nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận HM, thành phố H được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bên đều thống nhất xác nhận giữa Công ty TNHH P VST và Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T đã ký kết hợp 02 Hợp đồng mua bán thép cuộn không gỉ số HbS0010951 và H680011125 với tổng giá trị là 721.780 USD, tương đương 14.912.817.086 VNĐ. Căn cứ thỏa thuận thanh toán công nợ mua hàng giữa Công ty TNHH P VST và Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T ngày 01 tháng 11 năm 2015 thì Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T còn nợ Công ty TNHH P VST số tiền là: 5,701.292.533 đồng. Ngoài các tài liệu chứng cứ nêu trên, tại các biên bản hòa giải đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Thanh T đều thừa nhận Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T còn nợ Công ty TNHH P VST số tiền là: 5.031.292.532 đồng tiền gốc.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét có cơ sở kết luận:

Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T còn nợ Công ty

TNHH P VST số tiền nợ gốc là: **5.031.292.532** đồng nên yêu cầu khởi kiện của nợ Công ty TNHH P VST là có cơ sở chấp nhận. Công ty TNHH P VST yêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T trả tiền lãi phát sinh kể từ thời điểm vi phạm thỏa thuận thanh toán công nợ mua hàng ngày 17 tháng 01 năm 2016 đến ngày xét xử 17/01/2022 là 2.395.854.497 đồng

Như phân tích trên, xét có căn cứ buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T trả số tiền Công ty TNHH P VST số tiền là: 5.031.292.532 đồng đồng tiền nợ gốc. Xét tại thỏa thuận mua hàng ngày 01 tháng 11 năm 2015 Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T và Công ty TNHH P VST có xác nhận công nợ số tiền là: 5.701.292.533 đồng hai bên cùng ký xác nhận công nợ, sau đó đến ngày 17.01.2016 thì Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T vi phạm nghĩa vụ trả nợ**.** Tính đến ngày 17.01.2016 Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ Điều 306 luật Thương mại 2006 quy định "Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác" thì yêu cầu trả tiền lãi do chậm thanh toán của Công ty TNHH P VST là có cơ sở để chấp nhận. Xét thời điểm tính lãi và mức lãi suất áp dụng, tại thỏa thuận thanh toán công nợ mua hàng giữa Công ty TNHH P VST và Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T ngày 01 tháng 11 năm 2015 nên thời điểm tính lãi được tính từ ngày Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 17.01.2016.

Tòa án nhân dân quận HM đã gửi công văn Ngân hàng TMCP N VN – chi nhánh Nam H, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN chi nhánh HM, Ngân hàng thương mại Cổ phần Công thương VN – chi nhánh HM đề nghị các ngân hàng trên cung cấp cho Tòa án lãi xuất

quá hạn của các ngân hàng năm năm 2021. Tại công văn số 203 ngày 22.4.2021 thì mức lãi xuất quá hạn áp dụng cho pháp nhân vay trung và dài hạn của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN là 9.0% X 150%. Tại công văn số 1026 ngày 25.10.2021 thì mức lãi xuất quá hạn áp dụng của Ngân hàng TMCP N VN là 9,5% X 150%; Tại biên bản làm việc ngày 08.10.2021 tại trụ sở Ngân hàng thương mại Cổ phần C VN – chi nhánh HM thì mức lãi xuất quá hạn áp dụng của Ngân hàng thương mại Cổ phần C VN là 10 % X 150%. Như vây mức lãi suất cho vay trung và dài hạn của 03 Ngân hàng là (9.5 + 10 + 9.0):3 = 9.5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn là 14.2%/năm.

Tuy nhiên tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn tự nguyện áp dụng lãi suất trong trường hợp hai bên không có thỏa thuận là 10%/năm, mức lãi suất 10%/năm là thấp hơn so với quy định của pháp luật, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái quy định của pháp luật. nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Thời điểm tính lãi được tính từ ngày Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Thời gian tính lãi từ ngày 07.01.2016 đến ngày xét xử 17/01/2022 là 2.395.854.497 đồng. Như vậy, tổng số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T phải trả cho Công ty TNHH P VST là 7.424.147.029 đồng (Bảy tỉ bốn trăm hai mươi bốn triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm hai mươi chín) đồng trong đó tiền gốc: 5.031.292.532 đồng và 2.395.854.497 đồng tiền lãi.

2.4. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T phải chịu án phí trên số tiền 7.424.147.029 đồng là 115.424.147 đồng. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 66.000.000 đồng cho Công ty TNHH P VST đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0004678 ngày 16 tháng 09 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận HM, thành phố H.

2.5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 430; điều 357; điều 466; điều 468 BLDS 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 24; Điều 306 Luật Thương mại năm 2006;

Căn cứ án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự
2008;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH P VST:

Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T phải thanh toán cho Công ty TNHH P VST với tổng số tiền là: 7.424.147.029 (Bảy tỉ bốn trăm hai mươi bốn triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm hai mươi chín) đồng bao gồm: 5.031.292.532 đồng tiền nợ gốc và 2.395.854.497 đồng tiền lãi.

Về án phí: Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 115.424.147 (Một trăm mười lăm triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn một trăm bốn mươi bảy) đồng). Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng) cho Công ty TNHH P VST đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số: 0004678 ngày 16 tháng 09 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận HM.

Về nghĩa vụ thi hành án

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khỉ thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo:

Công ty TNHH P VST được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu T mà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận
- TAND TP. HN;
- VKSND Q. HM;
- Chi cục THADS Q. HM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Nhung

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HM
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2020.

Tại: Trụ sở TAND quận HM, H.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị N** – Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. **Bà Nguyễn Thị Doãn T**

2. **Bà Trần Thị M**

Tiến hành nghị án vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý 28/2019/ TLST–KDTM ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cp đầu tư H

Trụ sở: Số 32 C1 tập thể viện 19/8, phường M, quận C, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Liên A – Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T – Chức vụ kế toán Công ty CP đầu tư H

Bị đơn: Công ty TNHH trung tâm thương mại T

Trụ sở: Số 461 phố T, phường M, quận HM, H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Mai Anh T – Chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị M– Chức vụ kế toán Công ty TNHH trung tâm thương mại T.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

-Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện và quy định của pháp luật quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng dịch vụ được xác lập giữa hai tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận.

Bị đơn có trụ sở tại số 461 phố T, phường M, quận HM, H nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận HM, thành phố

H được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

-Về điều luật áp dụng:

Căn cứ Điều 513; Điều 519; Điều 429; điều 357; điều 466; điều 468 BLDS 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2006;

Căn cứ án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự 2008;

Kết quả biểu quyết: 3/3

- **Về phần quyết định:**

Chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần Đầu tư H:

Buộc Công ty TNHH trung tâm thương mại T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư H với tổng số tiền là **703.672.114** (Bảy trăm linh ba triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn một trăm mười bốn) đồng bao gồm: 653.803.894 đồng tiền gốc và 49.868.220 đồng tiền lãi.

(*Kết quả biểu quyết: 3/3)*

Án phí: Công ty TNHH trung tâm thương mại T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.146.884 đồng (Ba mươi hai triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi tư đồng). Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 22.500.000 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho Công ty Cổ phần Đầu tư H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005038 ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận HM .

(*Kết quả biểu quyết: 3/3)*

Nghĩa vụ thi hành án

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khỉ thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự. ***(****Kết quả biểu quyết: 3/3)*

Quyền kháng cáo:

Công ty Cổ phần Đầu tư H và Công ty TNHH Trung tâm thương mại T mà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

(*Kết quả biểu quyết: 3/3)*

Nghị án kết thúc cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**